TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH CHÁNH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 439/2025/DS-ST
Ngày: 28-5-2025
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH CHÁNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Gia Nam
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Nga
Bà Nguyễn Thị Nguyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Trọng Tường – Thư ký Tòa án Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Hoàng Phương Đại – Kiểm sát viên.

Trong ngày 28 tháng 5 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 774/2024/TLST-DS ngày 10/10/2024 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 289/2025/QĐXXST-DS ngày 02 tháng 4 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2025/QĐST-DS ngày 28 tháng 4 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam); Địa chỉ: 91 P, phường B, Quận M, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Nguyễn Phước Quỳnh G.

Địa chỉ: Phòng số 401, Tầng 4, Tòa nhà số 793/49/1 Trần Xuân S, phường T, Quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Nguyễn Anh T, sinh năm: 1985; Địa chỉ: Ấp 33 (Tổ 5, ấp 3A cũ), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ thường trú: 364/69/18 Thoại Ngọc H, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) có người đại diện theo ủy quyền là bà Nguyễn Phước Quỳnh G đều trình bày:

Ngày 29/10/2022, Công ty tài chính TNHH một thành viên M (VIỆT NAM) (sau đây gọi tắt là Công ty) ký Hợp đồng tín dụng số: 3859847 (gọi tắt là HĐTD) về việc cấp tín dụng cho bà Nguyễn Anh T với khoản vay trị giá 31.980.000 đồng, lãi suất 44%/năm. Sau khi hợp đồng được ký kết, Công ty đã giải ngân theo đúng quy định trong HĐTD cho bà Nguyễn Anh T, số tiền giải ngân được Công ty chuyển vào tài khoản cá nhân của bà Nguyễn Anh T. Theo HĐTD, bà Nguyễn Anh T có trách nhiệm, nghĩa vụ thanh toán là trả góp hàng tháng với số tiền là 1.776.017 đồng (đã trừ đi 12.000 đồng tiền phí thu hộ do bà Nguyễn Anh T ngừng thanh toán nên phía công ty không thu tiền phí thu hộ

theo điểm b khoản 8.1 Điều 8 của Hợp đồng) trong kỳ hạn 30 tháng, kể từ ngày 25/11/2022 đến ngày 25/04/2025 cho Công ty.

Kể từ ngày được giải ngân đến nay bà Nguyễn Anh T chỉ mới thanh toán trả góp cho Công ty được 08 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 14.402.000 đồng (Trong đó gốc đã thanh toán 5.878.874; Lãi đã thanh toán 8.406.718 đồng; Phí thu hộ 96.000 đồng; Lãi chậm trả 20.480 đồng). Ngày 21/06/2023 đến nay bà Nguyễn Anh T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả góp theo HĐTD đã ký kết với Công ty.

Công ty đã liên hệ nhắc nợ qua điện thoại rất nhiều lần để yêu cầu bà Nguyễn Anh T thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD. Đồng thời, Công ty cũng đã gửi thư đề nghị thanh toán để thông báo trực tiếp cho bà Nguyễn Anh T biết về việc đã quá hạn thanh toán. Tuy nhiên, bà Nguyễn Anh T vẫn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty.

Do đã gởi thông báo nhắc nợ nhưng bà Nguyễn Anh T vẫn cố tình không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo HĐTD cho phía Công ty. Nên Công ty đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu Tòa Án giải quyết tuyên buộc Bà Nguyễn Anh T thanh toán cho Công ty tổng cộng số tiền tạm tính đến ngày 20/03/2025 là: 50.411.752 đồng. Trong đó:

- Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.101.126 đồng.

- Số tiền lãi trong hạn: 11.392.938 đồng.

- Số tiền lãi quá hạn: 11.657.273 đồng.

- Số tiền lãi chậm trả: 1.260.415 đồng.

Bị đơn là bà Nguyễn Anh T không nộp văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của người khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo mặc dù đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) có bà Nguyễn Phước Quỳnh G là người đại diện hợp pháp theo ủy quyền có đơn xin xét xử vắng mặt. Tại Đơn đề nghị xét xử vắng mặt và Bản tự khai ngày 29/4/2025, nguyên đơn yêu cầu bà Thư phải trả số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 52.288.726 đồng. Trong đó: Số dư nợ gốc còn lại chưa thanh toán: 26.101.126 đồng; Số tiền lãi trong hạn: 11.392.938 đồng; Số tiền lãi quá hạn: 13.412.514 đồng; Số tiền lãi chậm trả: 1.382.128 đồng. Bà Nguyễn Anh T có trách nhiệm thanh toán khoản lãi phát sinh từ ngày 29/4/2025 cho đến khi trả dứt nợ vay theo lãi suất qui định tại Hợp đồng.

Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đúng quy định pháp luật và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu tranh chấp hợp đồng tín dụng với bị đơn là bà Nguyễn Anh T cư trú tại Ấp 33 (Tổ 5, ấp 3A cũ), xã V, huyện B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố

tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bình Chánh, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[3.1] Đối với yêu cầu thanh toán nợ gốc:

Căn cứ Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3859847 giữa Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) và bà Nguyễn Anh T ký ngày 29/10/2022 thì giữa bà Thư và Công ty có thỏa thuận việc cho vay số tiền 31.980.000 đồng.

Căn cứ các Báo cáo lịch sử thanh toán hợp đồng tín dụng và Báo cáo thu hồ nợ vay hợp đồng tín dụng của bà Nguyễn Anh T do Công ty cung cấp thì bà Thư chỉ mới thanh toán cho Công ty được 04 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 08 kỳ với tổng số tiền đã thanh toán là 14.402.000 đồng.Trong đó, nợ gốc đã thanh toán là 5.878.874 đồng, nợ lãi đã thanh toán là 8.406.718 đồng, phí thu hộ là 96.000 đồng, lãi chậm trả là 20.480 đồng. Ngày 20/6/2023 là ngày thanh toán cuối cùng, từ ngày 21/6/2023 đến nay Bà Nguyễn Anh T không tiếp tục thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Công ty.

Căn cứ Điều 280, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3740249, xét bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, mặc dù đã được Công ty thông báo nhắc nợ nhiều lần nhưng phía bị đơn vẫn không có thiện chí thanh toán đầy đủ nợ cho Công ty là đã vi phạm các điều khoản thỏa thuận đã ký kết trong Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3859847. Do đó việc Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) khởi kiện yêu cầu bà Thư phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 26.101.126 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[3.2] Đối với yêu cầu trả tiền lãi (tạm tính đến ngày 28/5/2025) là 26.187.580 đồng, trong đó, lãi trong hạn: 11.392.938 đồng, lãi quá hạn: 13.412.514 đồng, lãi chậm trả: 1.382.128 đồng và buộc bà Thư phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh cho đến khi thanh toán hết nợ cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam). Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ định tại Điều 280 Bộ luật Dân sự năm 2015, Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3740249.

Xét trong quá trình thanh toán nợ cho Công ty, bị đơn bà Nguyễn Anh T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán và Công ty đã chuyển toàn bộ khoản nợ của bị đơn từ nợ trong hạn thành nợ quá hạn và phát sinh lãi chậm trả là phù hợp.

Với những căn cứ nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của nguyên đơn là buộc bà Nguyễn Anh T phải trả ngay cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) tổng số tiền tạm tính đến ngày 28/4/2025 là 52.288.706 đồng, trong đó: Nợ gốc là 26.101.126 đồng, nợ lãi là 26.187.580 đồng là có cở sở để chấp nhận.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 280, Điều 463, khoản 1 Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) buộc bà Nguyễn Anh T phải có trách nhiệm trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) số tiền: 52.288.706 đồng (Năm mươi hai triệu hai trăm tám mươi tám ngàn bảy trăm lẻ sáu ngàn đồng), trong đó: Nợ gốc là 26.101.126 đồng, nợ lãi là 26.187.580 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà Nguyễn Anh T còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi, phí phát sinh được tính theo Đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 3859847 ký ngày 29/10/2022 cho đến khi thanh toán xong nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.614.435 đồng.

Hoàn trả cho Công ty Tài chính TNHH Một thành viên M (Việt Nam) số tiền tạm ứng án phí đã tạm nộp là 862.847 đồng theo Biên lai thu số 0008223 ngày 20/5/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân h. Bình Chánh;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

2 000016 059205

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Gia Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân | **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Gia Nam

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân	**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
	Nguyễn Gia Nam


2 000003 546206

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Trần Thị Nga **Nguyễn Thị Nguyên** **Nguyễn Gia Nam**